**Đề cương**

**NHỮNG ĐIỂM CƠ BẢN CỦA**

**LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Sự cần thiết ban hành Luật**

***1.1. Luật Tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội khóa 11 thông qua tại kỳ họp thứ 4 ngày 26/11/2003 và được Chủ tịch Nước ký lệnh công bố vào ngày 10/12/2003.***

Sau hơn 10 năm thực hiện Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, cơ bản thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ở địa phương.

Tuy nhiên, qua thực tiễn hoạt động của HĐND và UBND các cấp và yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới cho thấy Luật này đã bộc lộ những vấn đề cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung như:

- Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của HĐND và UBND cơ bản giống nhau ở cả 3 cấp.

-Chưa thể hiện tính gắn kết thống nhất giữa HĐND và UBND cùng cấp trong chỉnh thể chính quyền địa phương.

-Chưa phân biệt theo đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo.

-Chưa phân định rõ thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương - địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương.

- Một số nhiệm vụ theo luật định, chính quyền cấp xã không có khả năng thực thi.***Ví dụ như Khoản 2 Điều 33 trong lĩnh vực thi hành pháp luật quy định HĐND xã, thị trấn Quyết định các biện pháp bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm và các lợi ích hợp pháp khác của công dân/ Khoản 1 Điều 114 quy định nhiệm vụ quyền hạn của UBND xã, thị trấn: Thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục ở địa phương;… tổ chức thực hiện các lớp bổ túc văn hóa, thực hiện xóa mù cho những người trong độ tuổi.***

-Chưa quy định rõ các vấn đề do tập thể UBND thảo luận, quyết định và các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND,...

***1.2. Hiến pháp năm 2013 có nhiều điểm mới về chính quyền địa phương, như:***

- Thực hiện phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước (Điều 52);

- Quy định đơn vị hành chính tương đương thuộc thành phố trực thuộc trung ương; quy định việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính (Điều 110);

- Quy định về tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính (Điều 111);

- Quy định về phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương; về việc thực hiện nhiệm vụ được cơ quan nhà nước cấp trên giao (Điều 112).

***1.3. Kết quả thực hiện thí điểm không tổ chức HĐND huyện, quận, phường và thí điểm Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch UBND ở một số đơn vị hành chính thời gian qua;***

Các Đề án mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng; các Đề án về đặc khu kinh tế (Vân Đồn, Quảng Ninh; Vân Phong, Khánh Hòa; Phú Quốc, Kiên Giang) cũng đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu về mô hình tổ chức chính quyền địa phương các cấp cho phù hợp.

Vì vậy, việc xây dựng Luật Tổ chức chính quyền địa phương để thay thế Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003 nhằm kế thừa những ưu điểm, khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong 12 năm thực hiện Luật năm 2003.

***Và ngày 19/6/2015 tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77.Luật được Chủ tịch Nước ký lệnh công bố số 05 vào ngày 03/7/2015.***

**2. Bố cục của Luật**

Luật Tổ chức CQĐP có 8 chương, 143 điều, nhiều hơn Luật Tổ chức HĐND và UBND 2 chương, 3 điều.

Chương I. Những quy định chung, gồm 15 điều, từ điều 1 đến điều 15.

Chương II. Chính quyền địa phương ở nông thôn, gồm 21 điều, từ điều 16 đến điều 36.

Chương III. Chính quyền địa phương ở đô thị, gồm 35 điều, từ điều 37 đến điều 71.

Chương IV. Chính quyền địa phương ở hải đảo, gồm 2 điều, từ điều 72 đến điều 73.

Chương V. Chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, 4 điều, từ điều 74 đến điều 77.

Chương VI. Hoạt động của chính quyền địa phương, gồm 50 điều, từ điều 78 đến điều 127.

Chương VII. Thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, gồm 12 điều, từ điều 128 đến điều 139.

Chương VIII. Điều khoản thi hành, gồm 4 điều, từ điều 140 đến điều 143.

**3. Đơn vị hành chính (Điều 2)**

Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm có:

1. Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

2. Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

3. Xã, phường, thị trấn;

4. Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

***So với Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003, Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã bổ sung thêm đơn vị hành chính: thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Năm 2008, khi sáp nhập tỉnh Hà Tây vào thành phố Hà Nội, nước ta có thành phố Hà Đông thuộc thành phố Hà Nội, đến năm 2009 Chính phủ ban hành Nghị quyết chuyển thành phố Hà Đông thành quận Hà Đông thuộc thành phố Hà Nội, như vậy hiện nay nước ta chưa có đơn vị hành chính thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.***

**4. Phân loại đơn vị hành chính (Điều 3)**

Việc phân loại đơn vị hành chính là cơ sở để huy động chính sách phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng tổ chức bộ máy, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của chính quyền địa phương phù hợp với từng loại đơn vị hành chính.

Phân loại đơn vị hành chính phải dựa trên các tiêu chí:

-Quy mô dân số.

- Diện tích tự nhiên.

-Số đơn vị hành chính trực thuộc

-Trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

-Các yếu tố đặc thù của từng loại đơn vị hành chính ở nông thôn, đô thị, hải đảo.

***Trước đây Chính phủ cũng có quy định phân loại đơn vị hành chính nhưng chưa gắn với việc thực hiện chính sách, xây dựng bộ máy, chế độ chính sách, bước đầu chỉ mới thực hiện một số chế độ theo phân loại đơn vị hành chính ở cấp xã như giao biên chế cán bộ, công chức, chế độ phụ cấp cho cán bộ…ví dụ xã loại 1 có 25 cán bộ, công chức, xã loại 2 có 23 cán bộ, công chức, xã loại 3 có 21 cán bộ, công chức.***

Theo quy định của Luật mới, Đơn vị hành chính được phân loại như sau:

a) Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị hành chính cấp tỉnh loại đặc biệt; các đơn vị hành chính cấp tỉnh còn lại được phân thành ba loại: loại I, loại II và loại III;

b) Đơn vị hành chính cấp huyện được phân thành ba loại: loại I, loại II và loại III;

c) Đơn vị hành chính cấp xã được phân thành ba loại: loại I, loại II và loại III.

Luật Tổ chức CQĐP mới giao cho Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định cụ thể tiêu chuẩn của từng tiêu chí, thẩm quyền, thủ tục phân loại đơn vị hành chính; ***nội dung này trước đây thuộc thẩm quyền của Chính phủ.***

***Theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 15/2007/NĐ-CP ngày 26/01/2007 về phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn. Theo đó, đơn vị hành chính ở tỉnh ta được phân loại như sau:***

***1. Tỉnh Bình Thuận là đơn vị hành chính loại II.***

***2. Cấp huyện:***

***- Đơn vị hành chính loại I gồm 04 đơn vị: thành phố Phan Thiết, huyện Tuy Phong, huyện Bắc Bình, huyện Hàm Thuận Bắc;***

***- Đơn vị hành chính loại II gồm 05 đơn vị: thị xã La Gi, huyện Hàm Thuận Nam, huyện Tánh Linh, huyện Đức Linh;***

***- Đơn vị hành chính loại III gồm 01 đơn vị: huyện Phú Quý.***

***3. Cấp xã:***

***- Đơn vị hành chính loại I có 80 đơn vị;***

***- Đơn vị hành chính loại II có 43 đơn vị;***

***- Đơn vị hành chính loại III có 04 đơn vị.***

**5. Tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính**

Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức ở các đơn vị hành chính.

***Trước đây quy định Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân,... còn UBND do HĐND bầu ra là cơ quan chấp hành của HĐND, là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương...***

Chính quyền địa phương ở nông thôn gồm chính quyền địa phương ở tỉnh, huyện, xã.

Chính quyền địa phương ở đô thị gồm chính quyền địa phương ở thành phố trực thuộc trung ương, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương,phường, thị trấn.

Trong đó thể hiện chính quyền đô thị có những khác biệt với chính quyền nông thôn:

+ Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở thành phố, thị xã ngoài việc quyết định các vấn đề của địa phương như đối với địa bàn nông thôn, còn tập trung quyết định các vấn đề quy hoạch phát triển đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, quản lý và tổ chức đời sống dân cư đô thị,...

+ Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương quận và phường đã được điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu quản lý thống nhất, liên thông trong khu vực nội thành, nội thị tại các đô thị. Ngoài việc thực hiện chức năng đại diện và giám sát theo quy định chung, tập trung thực hiện 02 nhóm nhiệm vụ liên quan đến việc quyết định các vấn đề ở địa phương, gồm: (1) Thông qua ngân sách quận, phường theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và (2) Bầu nhân sự của HĐND, UBND cùng cấp.

**6. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương**

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Hiện đại, minh bạch, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân.

3. Hội đồng nhân dân làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

4. Ủy ban nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể Ủy ban nhân dân kết hợp với trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

**7. Hội đồng nhân dân (Điều 6)**

1. Hội đồng nhân dân gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân, thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này và các quy định, khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

4. Ban của Hội đồng nhân dân là cơ quan của Hội đồng nhân dân, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân, giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

**8. Ủy ban nhân dân (điều 8)**

Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

Luật quy định cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân:

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân được tổ chức ở cấp tỉnh, cấp huyện, là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của cơ quan nhà nước cấp trên.

- Việc tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phải bảo đảm phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo và điều kiện, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; bảo đảm tinh gọn, hợp lý, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực từ trung ương đến cơ sở; không trùng lặp với nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước cấp trên đặt tại địa bàn.***Ví dụ nghị định số 24 năm 2014 của Chính phủ quy định các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thì ngoài 17 cơ quan chuyên môn thống nhất trong toàn quốc thì các địa phương có thể thành lập thêm Sở Ngoại vụ, Ban Dân tộc, Sở Quy hoạch-kiến trúc.***

**9. Phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp cho chính quyền địa phương**

Được quy định tại Điều 11, 12, 13 của Luật.

***Vừa qua, Bộ Nội vụ đã gửi dự thảo Nghị định của Chính phủ về phân cấp giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố, theo đó có 6 lĩnh vực cần tập trung phân cấp là:***

***- Quản lý ngân sách nhà nước.***

***- Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.***

***- Quản lý dịch vụ sự nghiệp công trong các lĩnh vực: giáo dục – đào tạo, lao động, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, giám định tư pháp.***

***- Quản lý công chức, viên chức.***

***- Quản lý đầu tư.***

***- Quản lý đất đai.***

**10. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân các cấp**

Luật tổ chức chính quyền địa phương có những điểm mới.

+ Quy định HĐND thành phố trực thuộc trung ương được thành lập thêm Ban đô thị (trước có 3 Ban: Pháp chế, văn hoá- xã hội, kinh tế- ngân sách), vì đây là những đô thị tập trung, có quy mô lớn, mức độ đô thị hóa cao và có nhiều điểm đặc thù khác với các địa bàn đô thị thành phố thuộc tỉnh.

+ Quy định HĐND cấp tỉnh, cấp huyện, nơi nào có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số thì thành lập Ban dân tộc. ***Theo Nghị quyết số 1130 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định tiêu chuẩn, điều kiện thành lập Ban dân tộc***

***Tiêu chuẩn, điều kiện thành lập Ban dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh***

***Ban dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh được thành lập khi có hai trong ba tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:***

***Tỉnh có trên 20.000 người dân tộc thiểu số sống tập trung thành cộng đồng làng, bản;***

***Tỉnh có trên 5.000 người dân tộc thiểu số đang cần Nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển;***

***Tỉnh có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng; địa bàn xen canh, xen cư; biên giới có đông đồng bào dân tộc thiểu số nước ta và nước láng giềng thường xuyên qua lại.***

***Tiêu chuẩn, điều kiện thành lập Ban dân tộc của Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh***

***Một trong hai tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:***

***· Huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trên 5.000 người dân tộc thiểu số đang cần Nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển;***

***Huyện, thị xã, thành phố các tỉnh có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng; địa bàn xen canh, xen cư; biên giới có đông đồng bào dân tộc thiểu số nước ta và nước láng giềng thường xuyên qua lại.***

***Trong nhiệm kỳ 2016 – 2021 HĐND tỉnh, HĐND huyện Bắc Bình, huyện Hàm Thuận Bắc được thành lập Ban Dân tộc.***

+ Quy định về chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND các cấp và số lượng Phó Chủ tịch HĐND các cấp. Theo đó, HĐND cấp tỉnh, cấp huyện có Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch (trước có 1 Phó Chủ tịch).HĐND cấp xã có Chủ tịch, Phó Chủ tịch.Bỏ chức danh uỷ viên thường trực ở HĐND cấp tỉnh, cấp huyện.

+ Quy định về Thường trực HĐND: ở cấp tỉnh gồm có Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch và các uỷ viên là các trưởng các Ban của HĐND và Chánh Văn phòng HĐND; ở cấp huyện có Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch và các uỷ viên là trưởng Ban HĐND; ở cấp xã có Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND.***Trước đây thường trực HĐND chỉ có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên thường trực.***

+ Quy định về chế độ chuyên trách của chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND các cấp, theo đó: Chủ tịch HĐND cấp tỉnh, cấp huyện **có thể** là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách; Phó Chủ tịch HĐND cấp tỉnh, cấp huyện là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách; ở cấp xã Phó Chủ tịch HĐND hoạt động chuyên trách.

+ Quy định về chế độ chuyên trách của Trưởng, phó Ban của HĐND các cấp, theo đó: Trưởng Ban HĐND cấp tỉnh, cấp huyện **có thể** hoạt động chuyên trách, phó trưởng Ban HĐND cấp tỉnh, cấp huyện hoạt động chuyên trách. Trưởng, phó Ban HĐND cấp xã hoạt động kiêm nhiệm.

**11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp**

Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp được quy định cụ thể tại các Điều 19, 26, 33, 40, 47, 54, 61, 68.

Giới thiệu và so sánh những điểm mới của Luật so với Luật 2003 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh.

***Trước đây quy định 07 lĩnh vực:***

***- Trong lĩnh vực kinh tế.***

***- Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thông tin, thể dục, thể thao.***

***- Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường.***

***- Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.***

***- Trong thực hiện chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo.***

***- Trong lĩnh vực thi hành pháp luật.***

***- Trong lĩnh vực xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính.***

Trong Luật này, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh được bố cục lại trên 7 lĩnh vực:

- Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật.

- Về xây dựng chính quyền.

- Trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên và môi trường.

- Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao.

- Trong lĩnh vực y tế, lao động và thực hiện chính sách xã hội.

- Về công tác dân tộc, tôn giáo.

- Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

- Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp và văn bản của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

***Trong đó có những điểm mới so với Luật năm 2003 như:***

***- Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, HĐND tỉnh có quyền Quyết định biện pháp để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp; quyết định việc phân cấp cho chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã, cơ quan nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở tỉnh/hoặc là quyết định Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trước đây chỉ bãi bỏ văn bản của UBND.***

***- Trong lĩnh vực xây dựng chính quyền quy định việcLấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, trước đây chỉ quy định trong Nghị quyết 85 của Quốc hội, nay bổ sung vào Luật/ hay Quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố (thôn, khu phố), trước đây được quy định trong Thông tư 04 của Bộ Nội vụ.***

***- Trong lĩnh vực y tế, HĐND tỉnh Quyết định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật, trước đây quy định trong Nghị định của Chính phủ và văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành.***

**12. Cơ cấu tổ chứccủa Ủy ban nhân dân các cấp**

Ủy ban nhân dân gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên.

Số lượng Phó Chủ tịch UBND các cấp theo phân loại các đơn vị hành chính.

Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Ủy viên phụ trách quân sự, Ủy viên phụ trách công an. Ủy viên UBND cấp xã là chỉ huy trưởng quân sự, trưởng công an.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm có các sở và cơ quan tương đương sở. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm có các phòng và cơ quan tương đương phòng.

***Hiện nay Chính phủ có Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.***

***Quy định của Nghị định 107 trước đây giới hạn số lượng ủy viên UBND, ví dụ UBND tỉnh Bình Thuận có 5 ủy viên được giới thiệu từ 06 cơ quan là văn phòng, nội vụ, kế hoạch, tài chính, công an, quân sự.***

***Theo quy định mới thì UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016 – 2021 nếu bầu đủ sẽ có 24 thành viên gồm Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch, 18 Ủy viên là Trưởng các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo NĐ24 và Ủy viên phụ trách quân sự, Ủy viên phụ trách công an. Hiện nay UBND tỉnh chỉ có 9 thành viên.***

**13. Số lượng Phó Chủ tịch UBND các cấp**

Theo đó, đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại đặc biệt (thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) có không quá 5 Phó Chủ tịch, loại I có không quá 4 Phó Chủ tịch, loại II và loại III có không quá 03 Phó Chủ tịch.

Đối với đơn vị hành chính cấp huyện loại I có không quá 03 Phó Chủ tịch, loại II và loại III có không quá 2 Phó Chủ tịch.

Đối với đơn vị hành chính cấp xã loại I có không quá 2 Phó Chủ tịch, loại II và loại III có 1 Phó Chủ tịch.

***Như đã nêu ở trên, Luật Tổ chức chính quyền địa phương gắn việc phân loại đơn vị hành chính với xác định cơ cấu tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính.***

***Trước đây số lượng Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND được quy định tại Nghị định 107 của Chính phủ, nay được bổ sung vào trong Luật. Nghị định 107 trước đây xác định số lượng Phó Chủ tịch căn cứ vào số dân, diện tích, số đơn vị hành chính và và địa bàn đồng bằng, trung du, miền núi, hải đảo, nay Luật quy định số lượng Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND căn cứ vào phân loại đơn vị hành chính.***

**14. Thay đổi số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp huyện**

Theo quy định của Luật và Nghị định 08 của Chính phủ và kết quả phân loại đơn vị hành chính hiện nay thì:

- Có 04 đơn vị hành chính loại I là: thành phố Phan Thiết, huyện Tuy Phong, huyện Bắc Bình, huyện Hàm Thuận Bắc được bố trí 03 Phó Chủ tịch UBND;

- Có 06 đơn vị hành chính loại II, III là: thị xã La Gi, huyện Hàm Thuận Nam, huyện Hàm Tân, huyện Tánh Linh, huyện Đức Linh, huyện Phú Quý được bố trí 02 Phó Chủ tịch UBND.

**15. Thay đổi số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã**

- Có 80 đơn vị hành chính loại I được bố trí 02 Phó Chủ tịch UBND.

- Có 47 đơn vị hành chính loại II, III được bố trí 01 Phó Chủ tịch UBND.

- Có 02 xã (Hàm Cần, La Dạ) tăng 01 Phó Chủ tịch.

- Có 30 xã giảm 01 Phó Chủ tịch.

**16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp**

Luật mới không quy định nhiệm vụ, quyền hạn theo ngành, lĩnh vực như Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003 mà quy định UBND có nhiệm vụ xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐND và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.***Thể hiện rõ sự gắn kết chặt chẽ, thống nhất giữa hai thiết chế HĐND và UBND hợp thành chính quyền địa phương.***

Và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác của Ủy ban nhân dân. Như:

2. Quy định tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân.

3. Tổ chức thực hiện ngân sách, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, …

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Thực hiện các biện pháp xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn; …

6. Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính,…

7. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước ở trung ương phân cấp, ủy quyền.

8. Phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới, cơ quan, tổ chức khác thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp trên.

**17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp**

Luật quy định những điểm mới.

Quy định kết quả bầu cử Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND do người đứng đầu cơ quan hành chính cấp trên trực tiếp phê chuẩn; không quy định việc phê chuẩn chức danh ủy viên UBND như trước đây.

Đề cao trách nhiệm của Chủ tịch UBND trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình và trong việc điều động, đình chỉ chức vụ đối với chủ tịch UBND cấp dưới trực tiếp và chỉ định các chủ tịch UBND cấp dưới trực tiếp.

Quy định rõ việc điều động, cách chức chủ tịch, phó chủ tịch UBND. Cụ thể Thủ tướng Chính phủ quyết định cách chức Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định cách chức Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND cấp dưới trực tiếp. Người được điều động hoặc bị cách chức chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND kể từ khi quyết định điều động, cách chức có hiệu lực. Người quyết định điều động, cách chức Chủ tịch UBND giao quyền Chủ tịch UBND; thông báo cho HĐND về việc điều động, cách chức Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND, giao quyền Chủ tịch UBND để HĐND bầu Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND mới tại kỳ họp gần nhất***. Quy định trước đây không có Quyền Chủ tịch.***

**18. Chính quyền địa phương ở hải đảo**

Tùy theo điều kiện địa lý, dân cư, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, các đảo, quần đảo có thể được tổ chức thành các đơn vị hành chính.

Ở nước ta có 12 huyện đảo: Cô Tô, Vân Đồn (Quảng Ninh); Bạch Long Vĩ, Cát Hải (Hải Phòng); Cồn Cỏ (Quảng Trị); Hoàng Sa (Đà Nẵng); Lý Sơn (Quảng Ngãi); Trường Sa (Khánh Hòa); **Phú Quý** (Bình Thuận); Côn Đảo (Bà Rịa-Vũng Tàu); Kiên Hải, Phú Quốc (Kiên Giang).

02 huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã là Cồn Cỏ, Côn Đảo.

Tại đơn vị hành chính cấp huyện ở hải đảo tổ chức cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Trường hợp đơn vị hành chính cấp huyện chia thành các đơn vị hành chính cấp xã thì tại đơn vị hành chính cấp xã tổ chức cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân***, như huyện đảo Phú Quý của chúng ta.***

Cơ cấu tổ chức của các cơ quan thuộc chính quyền địa phương ở địa bàn hải đảo thực hiện như cơ cấu tổ chức của các cơ quan thuộc chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Luật này.***NĐ 37 quy định các phòng chuyên môn ở huyện đảo không quá 10 phòng.***

Chính quyền địa phương ở hải đảo thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn tương ứng của chính quyền địa phương ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Chính quyền địa phương cấp xã ở hải đảo thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn tương ứng của chính quyền địa phương ở xã, phường, thị trấn.

Việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể cho chính quyền địa phương tại các đơn vị hành chính ở hải đảo trong các văn bản quy phạm pháp luật khác ***phải bảo đảm*** tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan nhà nước tại địa phương, bảo đảm linh hoạt, chủ động ứng phó khi có sự kiện, tình huống đột xuất, bất ngờ xảy ra nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia trên các vùng biển, hải đảo, phát huy lợi thế, tiềm năng kinh tế biển, hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm thu hút người dân ra sinh sống, bảo vệ và phát triển hải đảo.

**19. Chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt**

Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quyết định thành lập, được áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt về kinh tế - xã hội, có chính quyền địa phương được tổ chức phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đó.

Chính quyền địa phương tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Nguyên tắc tổ chức, phương thức hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật này.

Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân, số lượng thành viên Ủy ban nhân dân, cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đó.

Trình tự, thủ tục quyết định thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, Giải thể đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được quy định cụ thể tại Điều 76, 77 của Luật.

***Về quy định hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân trong Luật tổ chức chính quyền địa phương mang tính chuyên môn, nghiệp vụ của HĐND và UBND các cấp nên các đồng chí quan tâm có thể nghiên cứu ở Chương 6 của Luật.***

**20. Các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của chính quyền địa phương**

***Đây là nội dung mới của Luật năm 2015, theo đó quy định 3 nội dung sau:***

- Thứ nhất, quy định trụ sở, kinh phí hoạt động của chính quyền địa phương.

- Thứ hai, quy định bộ máy giúp việc của chính quyền địa phương gồm có Văn phòng HĐND cấp tỉnh, Văn phòng UBND cấp tỉnh, Văn phòng HĐND và Uỷ ban nhân dân cấp huyện là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của HĐND và UBND.

- Thứ ba, giao Chính phủ quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế Văn phòng HĐND cấp tỉnh, Văn phòng UBND cấp tỉnh, Văn phòng HĐND và Uỷ ban nhân dân cấp huyện và việc tổ chức công tác tham mưu, phục vụ hoạt động của HĐND, UBND cấp xã.

**21. Việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính**

***Thứ nhất,***Luật Tổ chức CQĐP quy định các nguyên tắc, điều kiện thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, ví dụ như nguyên tắc tổ chức ổn định các đơn vị hành chính hiện có, khuyến khích nhập các đơn vị hành chính cùng cấp; điều kiện thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phải đảm bảo quy hoạch tổng thể, lợi ích chung của Quốc gia,… và giao Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định cụ thể tiêu chuẩn thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính.

***Thứ hai,*** quy định thẩm quyền quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính, giải quyết tranh chấp liên quan đến địa giới đơn vị hành chính. Theo đó, Quốc hội quyết định đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh và Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định đối với đơn vị hành chính cấp huyện, xã, đây cũng là điểm mới của luật, trước đây đối với đơn vị hành chính cấp huyện, xã thì thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

***Thứ ba***, quy định việc lấy ý kiến Nhân dân địa phương là toàn bộ cử tri ở địa bàn chịu ảnh hưởng trực tiếp về việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính. Nếu có trên 50% tổng số cử tri trên địa bàn tán thành thì cơ quan xây dựng đề án mới trình cấp có thẩm quyền xem xét. Nội dung này trước đây được quy định trong các văn bản dưới luật như Pháp lệnh 34 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, nay được thể chế hóa trong Luật.

***Thứ tư,*** sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể về tổ chức chính quyền địa phương trong trường hợp thay đổi địa giới đơn vị hành chính và các trường hợp đặc biệt khác để khắc phục những bất cập trong quá trình thực hiện Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003 như nhập đơn vị hành chính cùng cấp, chia một đơn vị hành chính thành nhiều đơn vị hành chính cùng cấp, thành lập mới một đơn vị hành chính trên cơ sở điều chỉnh một phần địa giới của đơn vị hành chính khác,… được quy định cụ thể từ điều 134 đến điều 139.

**22. Điều khoản chuyển tiếp (Điều 142)**

1. Từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành cho đến khi bầu ra Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016 - 2021, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tại các đơn vị hành chính tiếp tục giữ nguyên cơ cấu tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11.

2. Chấm dứt việc thực hiện thí điểm ***không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.*** Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường tiếp tục giữ nguyên cơ cấu tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11, Nghị quyết số 26/2008/QH12 của Quốc hội và Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cho đến khi bầu ra chính quyền địa phương ở huyện, quận, phường theo quy định của Luật này.